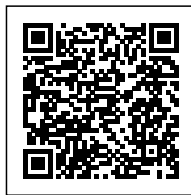


ĐỒ GIẢI THIỀN TÔNG: “NGŨ GIA, THẤT TÔNG”



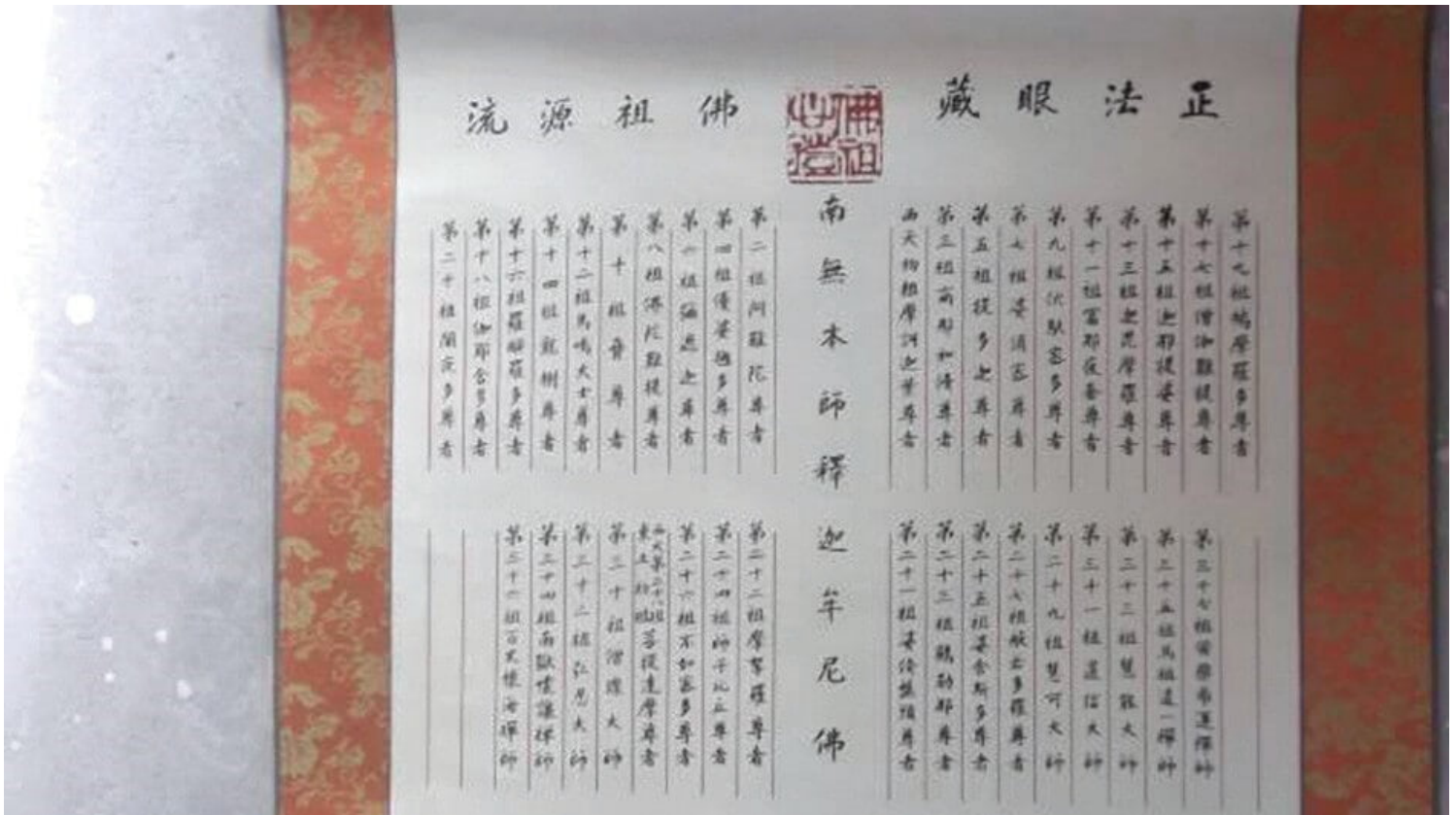
Đồ giải Thiên tông: “Ngũ gia, Thất tông”

圖解禪宗(五家七宗)

Nguyễn Thị Minh Quý

Thiền tông tại Trung Quốc truyền lưu lâu đời, ảnh hưởng sâu rộng và sản sinh nhiều chi phái thiền Phật giáo. Thiền tông Trung Quốc bắt nguồn từ Sư tổ Bồ Đề Đạt Ma (từ Ấn Độ sang truyền pháp tại Trung Hoa vào triều đại nhà Lương vào thế kỷ thứ 6 (520), từ Sư tổ Thiền tông Bồ Đề Đạt Ma truyền đến các đời, đệ nhị Tổ Huệ Khả (494-601); đệ tam Tổ Tăng Xán (497 ? -602); đệ tứ Tổ Đạo Tín (580-651); đệ ngũ Tổ Hoàng Nhãn (602-675); từ đây phân chia lục Tổ Huệ Năng (638-713) hoàng tông chỉ Đạt Ma ở Tào Khê, Quốc sư Thần Tú (605-706) đề xướng pháp Thiền tiệm tu ở Nam Kinh, gọi là Bắc tông. Nhị phái, hoàng pháp song song nên thiền môn nhanh chóng phát triển rực rỡ, trong cả nước hình thành hai trung tâm thiền học lớn, đó là “Nam Năng (Huệ Năng), Bắc Tú (Thần Tú)”. Mọi người căn cứ theo giáo pháp bất đồng của họ mà gọi là “Nam đốn, Bắc tiệm” hay là “Nam tông, Bắc tông”. Phật giáo nhà Đường hưng thịnh, trở thành xu hướng chủ đạo của thiền tông Trung Hoa.

Từ Thiền pháp lục Tổ Huệ Năng truyền Tổ sư thiền Nam tông về sau, gốc cổ thụ Thiền tông hưng thịnh, đâm chồi nảy lộc “Thất chi, Ngũ điệp” (Ngũ gia, Thất tông), tức các Thiền phái Lâm Tế tông; Tào Động tông; Quy Ngưỡng tông; Vân Môn tông; Pháp Nhãn tông tức “Ngũ gia”, Lâm Tế tông chia thành hai chi phái Hoàng Long phái và Dương Kỳ phái, hợp xưng “Thất tông”, các thiền phái ra đời đều phần thịnh trong hoàng dương chính pháp, cục diện hợp thịnh, Thiền tông đã bước vào thời kỳ hưng thịnh.



南宗的禪法到六祖慧能之後,分別衍生出了(五家七宗),即臨濟宗,曹洞宗,潯仰宗,雲門宗,法眼宗等五家,加上由臨濟宗分出的黃龍派和楊岐派,合稱為七宗,出現了禪宗各派並弘的繁盛局面,禪宗的發展進入了興盛期。 Hình 1: Biểu đồ Pháp quyền Thiên tông






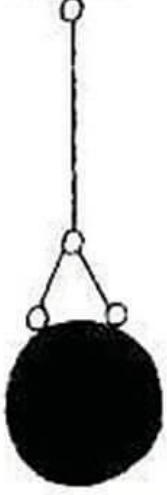
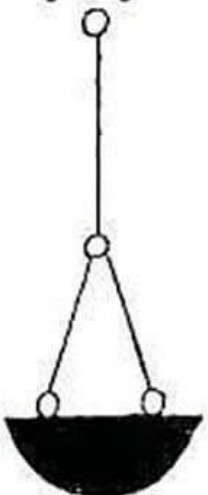
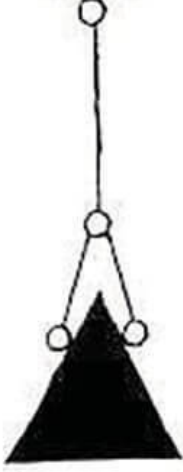
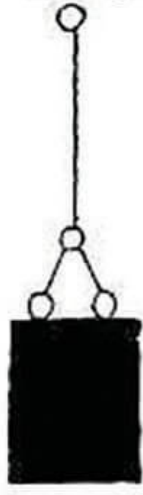
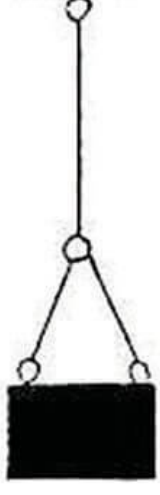
Môn hạ của đức lục Tổ Huệ Năng, sự tách biệt lưỡng hệ của nhị vị đồ đệ thượng thủ Nam Nhạc Hoài Nhượng và Thanh Nguyên Hành Tư. Nam Nhạc Hoài Nhượng sản sinh lưỡng gia hiện hữu Thiền phái Quy Ngưỡng tông, Thiền phái Lâm Tế tông. Trong số đó, Nam Nhạc Hoài Nhượng có đệ tử ưu tú là Mã Tổ Đạo Nhất (707-786) hoàng dương thiền pháp tại Giang Tây; và truyền tâm pháp ấn cho vị đệ tử xuất chúng Bách Trượng Hoài Hải (720-814), người chế định “Bách Trượng Thanh Quy” (một nỗ lực nhằm tập hợp, hệ thống hoá, làm cương lĩnh sinh hoạt cho tăng, ni tại các Tông lâm ở Trung Hoa, sau khi Phật giáo đã du nhập và phát triển nơi đất nước rộng lớn này gần 7 thế kỷ. Bách Trượng Thanh Quy đã được lưu hành rộng khắp nơi, có giá trị như một kim chỉ nam hướng dẫn mọi sinh hoạt trong đời sống của người xuất gia, trải qua mấy trăm năm), đặt nền móng cho việc xây dựng và tổ chức Tông lâm tự viện Phật giáo. Tổ Bách Trượng truyền đăng tục diệm Quy Sơn Linh Hựu (771-853), một vị Thiền sư Trung Quốc trứ danh, môn đệ của Bách Trượng Hoài Hải và thầy của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (807-883). Cùng với Ngưỡng Sơn, sư khai sáng Thiền phái Quy Ngưỡng. Tổ Bách Trượng Hoài Hải còn một vị đệ tử nổi danh khác, Hoàng Bá Hy Vận (?-850), một vị Thiền sư Trung Quốc, một trong những nhân vật nổi tiếng của Thiền tông đời nhà Đường. Ngài là Pháp tự của Tổ sư Bách Trượng Hoài Hải và là thầy của Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-867), người đã dùng đại cơ đại dụng, sáng lập dòng Thiền phái Lâm Tế tông được truyền cho đến ngày nay.

Hệ thống truyền thừa pháp mạch của Tổ sư Thanh Nguyên Hành Tư (660-740) truyền đăng tục

diệm kế truyền Thạch Đầu Hy Thiên (700- 790); Dược Sơn Duy Nghiễm (751-834); Vân Nham Đàm Thịnh (782-841); và những đệ tử khác. Sau đó, Vân Nham Đàm Thịnh, người nối pháp mạch truyền đăng Động Sơn Lương Giới (807-869); và đệ tử Tào Sơn Bốn Tịch (840-900), hai thầy trò hợp xưng Ngũ vị Quân thần Thiên phong Tào Động tông. Thạch Đầu Hy Thiên (700-790) có một đệ tử ưu tú khác Thiên Hoàng Đạo Ngộ (738/748-807); Thiên Hoàng Đạo Ngộ có đệ tử nổi tiếng Long Đàm Sùng Tín (?); Long Đàm Sùng Tín có đệ tử lừng danh Đức Sơn Tuyên Giám (782-865); kế tục truyền đăng Tuyết Phong Nghĩa Tôn (822-908); kế tục truyền đăng Huyền Sa Sư Bị (835- 908); kế tục truyền đăng La Hán Quế Sâm (867-928); kế tục truyền đăng Pháp Nhãn Văn Ích (885-958), một vị thiền sư Trung Hoa. Người đã khai sáng Thiền phái Pháp Nhãn tông.



Vào triều đại nhà Tống, trong ngũ gia tông phái chỉ có Thiền phái Lâm Tế phần thịnh nhất. Hậu duệ của Tổ sư Lâm Tế Nghĩa Huyền như các vị nhị tổ Thiền phái Lâm Tế Chánh tông Hưng Hóa Tôn Tường (?-924); đệ tam Tổ Nam Viện Tuệ Ngung (860- 952); đệ tứ Tổ Phong Huyệt Diên Chiểu (896-973); đệ ngũ Tổ Thủ Sơn Tĩnh Niệm (926-993); đệ lục Tổ Phần Dương thiện Chiếu (947-1024); đệ thất Tổ Thạch Sương Sở Viên (986-1039). Từ đệ thất Tổ Thiền phái Lâm Tế chánh tông Thạch Sương Sở Viên xuất phát nhị vị thiền sư kiệt xuất là Dương Kỳ Phương Hội (992-1049) và Hoàng Long Tuệ Nam (1002-1069) phân biệt sáng lập Dương Kỳ, Hoàng Long lưỡng phái.

| | | | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <p>葉</p> | <p>五</p> | <p>正法 流芳</p> | <p>花</p> | <p>一</p> | <p>佛祖心燈 五家鐘板 六</p> |
|  |  |  |  |  | |
| <p>雲門</p> | <p>滄仰</p> | <p>法眼</p> | <p>曹洞</p> | <p>臨濟</p> | |
|  |  |  |  |  | |
| <p>解 朝暮三十六 三板三鐘</p> | <p>分 二板二鐘 三板三開 三止三開</p> | <p>二 同三十六下 止四開總</p> | <p>家 板一鐘四 板一鐘三</p> | <p>五 一板鐘二 四止四開</p> | |

在宋代，此五家之中以臨濟宗最為繁盛。臨濟義玄之後，經興化存獎、南院（寶）慧顥、風穴延沼、首山省念、汾陽善昭，傳至石霜楚圓。楚圓門下有楊岐方會(992-1049) 與黃龍慧南(1002-1069) 分別創立楊岐、黃龍兩派。 Hình 2: Chánh pháp Nhãn tạng Phật Tổ Nguyên lưu.

Các thiền gia tông phái đều có phong cách đặc sắc, phương tiện tiếp dẫn hậu nhân bởi thích ứng cá biệt và tự truyền thừa gia phả từ một hệ thống hoàn bị. Thời kỳ Đường, Tống hai tông phái Lâm Tế, Tào Động hưng thịnh, “Lâm Tế tướng quân, Tào Động nông dân”. Vì gia phong Lâm Tế như tướng chỉ huy binh lính trăm vạn, mà gia phong Tào Động thì như kẻ nông phu canh tác ruộng đất rất chu đáo vậy. Phái Dương Kỳ một phân nhánh của Lâm Tế đạo tràng tu tập của Thiền tông thịnh phát, đến thời đại nhà Tống Pháp Diễn (1024-1104) vị Thiền sư Lâm Tế tông đời thứ 10, phái Dương Kỳ, không cần dụng công tự nhiên kỳ đặc, hàng long tượng tự hội, cực thịnh một thời, truyền tâm pháp ấn rất nhiều pháp tử, người kế tục tâm đăng phát triển và trở thành chủ đạo của Phật giáo ở Trung Quốc. Bản văn hiện đối với Thiền tông giới thiệu đôi nét về sự hình thành và phát triển của “Ngũ gia, Thất tông”.



禪宗各家宗派的門風各有特色，接引學人的手法各自不同，傳承自成完備的體系。唐宋時期尤以臨濟宗和曹洞宗為盛，有「臨（臨濟）天下，洞（曹洞）一隅」之說。臨濟宗的楊岐派門庭繁茂，於宋代五祖法演以後幾乎囊括了臨濟宗之全部道場，至今後嗣仍燦若繁星，成為中國漢地佛教的主流。本文現對禪宗(五家七宗)的形成與發展作簡要介紹。

Hình 3: Chánh pháp Lưu phương Nhất hoa Ngũ diệp

Tóm lại, tư tưởng “Ngũ gia, Thất tông” chỉ khác nhau về cách giáo hoá, không khác về nội dung đích thực của Thiên, tất cả đều từ khởi nguồn Tổ sư thiên Nam tông chủ trương đốn ngộ bởi lục Tổ Huệ Năng, chỉ do tông lâm quy củ phương tiện sai biệt, đặc biệt phương tiện đặc sắc để tiếp dẫn hậu học, hình thành môn phong sai biệt. Từ đó, quá trình hình thành lịch sử thiên tông Phật giáo và qua phát triển “Ngũ gia, Thất tông”, chúng ta có thể thấy phương pháp giáo

hóa và cơ xảo tiếp dẫn hậu học từng giai đoạn. Những cách tiếp cận khác nhau về phương pháp tiếp dẫn học đồ, do đương thời học đồ căn cơ bất đồng, nên phương tiện thiện xảo trong ứng cơ tiếp vật khác nhau bởi thời gian. Do sự thay đổi của thời đại, các bộ phận biệt phái Thiên tông và phương pháp giáo hóa không thích nghi với thời gian, dẫn đến sự suy giảm của các thiên phái này ngay sau khi thành lập.

Bất luận Thiên tông hay các tông phái khác nhau, đều theo quy luật thịnh suy, khi trong thời kỳ đỉnh cao thời gian nào đó rồi theo quy luật tự nhiên mà suy giảm, chúng ta có thể hiểu “Ngũ gia, Thất tông” thông qua quá trình hình thành và biến hóa, chúng ta có thể tìm thấy quá trình hưng suy từ sự trỗi dậy và suy vong theo quy luật.

Tác giả: **Nguyễn Thị Minh Quý**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 1/2018